

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố Trần Hưng Đạo, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh Số tài khoản: 4410000077 tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả Mã số thuế: 5700100256-032 Điện thoại: 0203 3862238 ; Fax: 0203 3862494.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.11	Địa điểm: Tại kho MB+47 khai trường Công ty Than Dương Huy – TKV, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh
E-ĐKC	Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và các Thư Bảo đảm thực hiện hợp đồng do các Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành có hiệu lực.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV. - Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố Trần Hưng Đạo, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh - Điện thoại: 0203 3862238; Fax: 0203 3862 494 - Địa chỉ email: <i>phongdtmduonghuy@gmail.com</i>
E-ĐKC 5.2	Bảo đảm thực hiện hợp đồng cụ thể: (i) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng (ii) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

Trường hợp Bên B nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (theo Mẫu số 18 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng).

(iii) Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi thiết bị được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

(iv) Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ theo Mẫu số 18, Chương VIII của E-HSMT. Trường hợp các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định rõ ngày hết hiệu lực, mà tại thời điểm 07 ngày trước khi hết hiệu lực, Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng, thì Nhà thầu có trách nhiệm gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng đến khi hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng. (Trường hợp Ngân hàng yêu cầu phải có văn bản đề nghị gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét và ban hành văn bản làm cơ sở gia hạn thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng).

(v) Quyền thu giữ và xử lý bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bên A có quyền toàn quyền yêu cầu ngân hàng thanh toán (tịch thu) toàn bộ giá trị bảo đảm, mà không cần sự đồng ý của Bên B, trong các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng đã có hiệu lực;

- Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo hợp đồng mà không khắc phục trong thời hạn do Bên A yêu cầu;

- Bên B thực hiện chậm tiến độ do lỗi của mình;

- Bên B không gia hạn hiệu lực bảo đảm theo quy định tại;

- Bên B vi phạm nghĩa vụ về chất lượng, khối lượng, an toàn hoặc các nghĩa vụ quan trọng khác;

- Bên B mất khả năng thực hiện hợp đồng, bị giải thể, phá sản hoặc có dấu hiệu mất khả năng thanh toán.

- Việc Bên A thực hiện quyền thu giữ bảo đảm không loại trừ quyền yêu cầu Bên B tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại phát sinh vượt quá giá trị bảo đảm.

(vi). Không hạn chế trách nhiệm

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng không giới hạn nghĩa vụ và trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Bên B theo hợp đồng và quy định pháp luật.

E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi hệ thống thiết bị được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày Giải quyết tranh chấp: Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trong vòng 05 ngày các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không thành, trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Quảng Ninh theo quy định của pháp luật. Bản án, quyết định của Tòa án là căn cứ để các bên thực hiện theo quy định pháp luật. Mọi chi phí tố tụng do bên thua kiện chịu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
E-ĐKC 9	1. Tiến độ giao hàng: Nhà thầu phải giao đầy đủ hàng hóa (kèm theo đầy đủ chứng từ, tài liệu liên quan) tại kho MB +47 thuộc khai trường mỏ Khe Tam – Công ty Than Dương Huy – TKV, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh, trong vòng 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian được tính theo ngày dương lịch, liên tục, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ theo quy định. 2. Tài liệu và Chứng từ: Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: (i) Cung cấp hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa: * Đối với hàng hóa là hàng nhập khẩu: +03 Bản sao y của đơn vị nhập khẩu Từ khai hàng hóa nhập khẩu + 03 bản Hóa đơn thương mại được dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã sao y của đơn vị nhập khẩu hoặc bản sao công chứng. + Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ): Gồm 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản gốc hoặc bản đã được công chứng. Trường hợp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) là bản điện tử có thể tra cứu được, cần cung cấp 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã được sao y của bên B. + Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O): Gồm 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp

	lai với bản gốc hoặc bản đã được công chứng. Trường hợp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là bản điện tử có thể tra cứu được: cung cấp 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã sao y của bên B * Đối với các hàng hóa là hàng sản xuất trong nước + 01 bản gốc và 03 bản sao y Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc tương đương. (ii) Cung cấp 01 Bản gốc và 01 bản chính cam kết của Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa các dữ liệu trên hệ thống điện tử và tính hợp pháp của hồ sơ cung cấp cho bên A. (iii) 01 bộ gốc và 03 bộ photo công chứng Hồ sơ kiểm định phòng nổ; kiểm định chất lượng, kiểm tra kỹ thuật an toàn do cơ quan có thẩm quyền cấp tại Việt Nam cấp (nếu có); Chủ đầu tư phải nhận được các chứng từ nêu trên khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: <i>trộn gói</i>
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: “Cố định”
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: “Được phép “Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Nếu nhà thầu đề xuất tạm ứng các điều kiện, giá trị, bảo lãnh cụ thể như sau: a) Điều kiện tạm ứng Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Bên A chỉ thực hiện tạm ứng khi Bên B đã hoàn thành đầy đủ các điều kiện sau: - Nộp cho Bên A bản gốc Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Nộp bản gốc Thư bảo lãnh tiền tạm ứng, là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang, cho phép Bên A yêu cầu thanh toán ngay mà không cần sự chấp thuận của Bên B; - Giá trị Thư bảo lãnh tạm ứng bằng hoặc lớn hơn 100% giá trị tạm ứng; - Thư bảo lãnh do ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam phát hành và được Bên A chấp thuận. b) Giá trị và thời hạn tạm ứng Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ và hợp lệ các bảo lãnh nêu trên, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 10% giá trị Hợp đồng Việc tạm ứng phụ thuộc vào tình trạng hiệu lực của các bảo lãnh và không làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán vô điều

kiện của Bên A.

c) Hiệu lực bảo lãnh tạm ứng

Thời hạn hiệu lực của các bảo lãnh tạm ứng tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 90 ngày kể từ ngày bên B nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng.

Nhà thầu phải chủ động gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng đảm bảo hiệu lực vượt thời gian sau khi chủ đầu tư thu hồi hết khoản tạm ứng này.

d) Mục đích và kiểm soát sử dụng tạm ứng

Bên B chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng này và phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan (số lượng 02 bộ) cho bên A trong vòng 70 ngày kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng; (tài liệu chứng minh tiền tạm ứng hợp lệ là tài liệu có giá trị sử dụng tiền tạm ứng cho gói thầu tối thiểu bằng giá trị tạm ứng, thời gian phát sinh tính từ ngày nhận được tiền tạm ứng).

e) Thu hồi và xử lý vi phạm

Bên A có quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần tiền tạm ứng trong các trường hợp sau:

- Bên B sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích;
- Bên B không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu chứng minh trong thời hạn quy định;
- Bên B vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc có dấu hiệu mất khả năng thực hiện hợp đồng;
- Bên B không gia hạn bảo lãnh theo yêu cầu của Bên A.

Việc thu hồi được thực hiện thông qua:

- Yêu cầu Bên B hoàn trả trực tiếp;
- Hoặc Yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán theo nội dung bảo lãnh.

f) Quyền yêu cầu thanh toán bảo lãnh

Trong trường hợp Bên B không hoàn trả hoặc không hợp tác hoàn trả đầy đủ số tiền tạm ứng theo yêu cầu của Bên A trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B được coi là đã nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi qua chuyển phát nhanh có ký nhận, thư điện tử (Email) đến địa chỉ đã đăng ký của Bên B), thì:

- Bên A có toàn quyền, không hủy ngang, được trực tiếp gửi yêu cầu thanh toán đến ngân hàng phát hành bảo lãnh để thu hồi:
 - + Toàn bộ số tiền tạm ứng;
 - + Toàn bộ các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh liên quan (nếu có).
- Việc Bên A thực hiện quyền yêu cầu thanh toán bảo lãnh:
 - + Không phụ thuộc vào bất kỳ sự chấp thuận, xác nhận hay phối hợp nào từ Bên B;

	+ Không bị trì hoãn, hạn chế bởi bất kỳ khiếu nại, tranh chấp hoặc lý do nào từ Bên B. - Bên B từ bỏ mọi quyền phản đối, khiếu nại đối với việc Bên A thực hiện quyền nêu trên, và cam kết không có bất kỳ hành vi nào nhằm cản trở, trì hoãn hoặc vô hiệu hóa việc thanh toán từ ngân hàng bảo lãnh. - Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc thu hồi tiền từ bảo lãnh (bao gồm nhưng không giới hạn phí ngân hàng, chi phí pháp lý, chi phí thu hồi nợ) do Bên B chịu toàn bộ. Nếu Nhà thầu không hợp tác trả lại giá trị đã tạm ứng thì Chủ đầu tư sẽ phát hành thư tới Ngân hàng bảo lãnh để trích khoản tiền đã tạm ứng.
E-ĐKC 14.2	* Phương thức thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu bằng hình thức chuyển khoản và thanh toán trong 03 đợt, cụ thể từng đợt như sau: • Đợt 1: Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 70% giá trị hợp đồng (bao gồm giá trị tạm ứng 10%, nếu có) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành việc bàn giao từng loại hàng hóa và cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định. • Đợt 2: Chủ đầu tư thanh toán tiếp cho Nhà thầu 25% giá trị hợp đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hai bên hoàn thành việc lắp đặt, hướng dẫn vận hành, sử dụng thiết bị và ký biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng đối với từng loại hàng hóa. • Đợt 3: Chủ đầu tư thanh toán 5% giá trị hợp đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản xác nhận kết thúc thời gian bảo hành thiết bị và thanh lý hợp đồng được hai bên ký kết. 1.3 Bộ chứng từ phục vụ thanh toán đợt 1 bao gồm: (i) Hóa đơn điện tử: Một (01) hóa đơn điện tử của bên B (bản chuyển đổi). (ii) Cung cấp hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa: * Đối với hàng hóa là hàng nhập khẩu: + 03 bản Hóa đơn thương mại được sao y bởi đơn vị nhập khẩu kèm 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã sao y. + Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ): Gồm 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản gốc hoặc bản đã được công chứng. Trường hợp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) là bản điện tử có thể tra cứu được, cần cung cấp 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã được sao y của bên B. + Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O): Gồm 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp

	lai với bản gốc hoặc bản đã được công chứng. Trường hợp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là bản điện tử có thể tra cứu được: cung cấp 03 bản dịch ra tiếng Việt do các đơn vị có chức năng dịch thuật thực hiện và được giáp lai với bản đã sao y của bên B +03 Bản sao y của đơn vị nhập khẩu Tờ khai hàng hóa nhập khẩu * Đối với các hàng hóa là hàng sản xuất trong nước + 01 bản gốc và 03 bản sao y Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc tương đương. (iii) Cung cấp 01 Bản gốc và 01 bản chính cam kết của Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa các dữ liệu trên hệ thống điện tử và tính hợp pháp của hồ sơ cung cấp cho bên A. (iv) 01 bộ gốc và 03 bộ photo công chứng Hồ sơ kiểm định phòng nổ; kiểm định chất lượng, kiểm tra kỹ thuật an toàn do cơ quan có thẩm quyền cấp tại Việt Nam cấp (nếu có); (v) Biên bản bàn giao thiết bị. (vi) Công văn đề nghị thanh toán hoặc biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm (vii) Các giấy tờ liên quan khác khi Bên A yêu cầu Bên B cung cấp (nếu có). 1.4 Tài liệu phục vụ thanh toán đợt 2 bao gồm + Các biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị theo quy định; Biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. + Công văn đề nghị thanh toán hoặc biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm 1.5 Tài liệu phục vụ thanh toán đợt 3 bao gồm + Biên bản thanh lý hợp đồng + Giấy xác nhận hết thời gian bảo hành + Công văn đề nghị thanh toán hoặc biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng VND Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
E-ĐKC 15.2	Quyền: ____ [<i>trường hợp gói thầu hàng hóa cần có quy định về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, nhà thầu về quyền tác giả và các quyền khác thì chủ đầu tư quy định rõ tại Mục này</i>]
E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Nhà thầu chịu trách nhiệm đóng gói hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và giao nhận, việc đóng gói phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: - Hàng hóa do Nhà thầu cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận

	chuyên, lưu kho và giao hàng.
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: “Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng”;
E-ĐKC 20.2	Các dịch vụ bao gồm: - Thực hiện việc cung cấp và hướng dẫn lắp đặt, vận hành các thiết bị thuộc gói thầu. - Phụ tùng thay thế: Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các vật tư, phụ tùng dự phòng phục vụ cho hoạt động của thiết bị trong thời gian bảo hành (nếu có). - Cung cấp các tài liệu kỹ thuật: Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu đi kèm thiết bị, bao gồm: + Hướng dẫn sử dụng, quản lý và vận hành thiết bị; + Bản vẽ cấu tạo, hướng dẫn lắp đặt thiết bị; + Bản vẽ chi tiết danh điểm thiết bị; + Tất cả các tài liệu kỹ thuật phải bằng tiếng Việt; trường hợp là tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo, được dịch bởi văn phòng dịch thuật có chức năng. Các file điện tử phải được cung cấp ở định dạng MS Word, Excel, Cad. - Nhà thầu có trách nhiệm hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị và tham gia đầy đủ các bước nghiệm thu theo quy định - Các hàng hóa, dịch vụ miễn phí khác (Nếu có).
E-ĐKC 21.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa Nếu thấy cần thiết Chủ đầu tư có quyền mời cơ quan có chức năng về kiểm định chất lượng hàng hoá kiểm tra, xác định hàng hoá trước khi sử dụng tại cơ sở của Chủ đầu tư. Kết luận của cơ quan này là cơ sở pháp lý để xử lý tình trạng chất lượng hàng hoá. Bất kỳ thiết bị nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng thiết bị khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các thiết bị không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đủ nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu 100%.
E-ĐKC 21.2	Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Khai trường Công ty than Dương Huy - TKV phường Mông Dương - Tỉnh Quảng Ninh.
E-ĐKC 22	1. Phạt vi phạm hợp đồng “Áp dụng” Nếu hết hạn thời gian giao hàng theo quy định trong hợp đồng Nhà thầu giao hàng chậm tiến độ mà không do sự bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư

	gây ra thì Nhà thầu phải chịu bồi thường cho Chủ đầu tư 0,5%/01 ngày đối với giá trị hàng hóa bị chậm của Hợp đồng, nhưng tổng số tiền phạt cũng không quá 8% giá trị hợp đồng. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng” - Nếu hàng hoá do Bên B giao không đảm bảo chất lượng kỹ thuật, Bên A không nhận thì Bên B phải chịu trách nhiệm về các phí tổn và thiệt hại liên quan (nếu mặt hàng nào không đáp ứng yêu cầu theo hợp đồng bị Bên A trả lại, Bên B phải chịu trách nhiệm trả chi phí cho Bên A đi thuê mặt hàng đó về phục vụ kịp thời cho sản xuất. Nếu quá thời gian 30 ngày Bên B không giao lại được mặt hàng đó Bên A xem xét chấm dứt hợp đồng cung cấp mặt hàng giao không đúng Bên B bị tịch thu tiền bảo lãnh hợp đồng và bồi hoàn toàn bộ giá trị mặt hàng đó) - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 23.3	Thời gian bảo hành hàng hóa tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nếu dài hơn. Trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải sửa chữa, thay thế miễn phí các hư hỏng, lỗi kỹ thuật do nhà sản xuất hoặc do chất lượng hàng hóa cung cấp. + Giá trị bảo hành: 5 % giá trị hợp đồng. + Hình thức bảo lãnh: Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng khi thanh toán. + Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Khai trường Công ty than Dương Huy - TKV phường Mông Dương - tỉnh Quảng Ninh. a) Nguyên tắc chung: Thời gian bảo hành toàn bộ thiết bị lớn hơn hoặc bằng 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành, Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục kịp thời các hư hỏng, sai sót, khiếm khuyết của thiết bị do lỗi của Nhà thầu trong quá trình thi công. Mọi chi phí liên quan đến việc bảo hành do Nhà thầu chịu. Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên giao thầu về các hư hỏng, sai sót nêu trên, Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện việc kiểm tra, sửa chữa và khắc phục. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện hoặc chậm thực hiện việc bảo hành theo yêu cầu, Bên giao thầu có quyền thuê đơn vị khác thực hiện việc sửa chữa, khắc phục. Mọi chi phí phát sinh cho việc sửa chữa, khắc phục sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu.

Trường hợp thiết bị hoặc hạng mục thiết bị phải tạm dừng khai thác để thực hiện sửa chữa bảo hành hoặc thay thế thiết bị, thời gian bảo hành của hạng mục đó được gia hạn tương ứng với thời gian tạm dừng khai thác để sửa chữa, khắc phục.

Việc bảo hành phải bảo đảm:

- Thiết bị vận hành an toàn, ổn định
- Các khiếm khuyết, hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành được khắc phục kịp thời.

b) Phạm vi bảo hành

Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm:

- Khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết của thiết bị và thiết bị do lỗi thi công, lắp đặt hoặc chất lượng vật liệu, thiết bị;
- Kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;
- Bảo đảm hệ thống thiết bị điện của trạm biến áp vận hành ổn định và an toàn.

Việc sửa chữa, thay thế thiết bị phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị và hệ thống điện.

c) Trách nhiệm bảo trì và duy tu bảo dưỡng

Nhà thầu phải:

- Hướng dẫn Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành về quy trình vận hành và bảo trì thiết bị;
- Cung cấp tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng thiết bị;
- Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình vận hành ban đầu của thiết bị (nếu có yêu cầu).

d) Thời gian phản hồi và khắc phục sự cố

Trong thời gian bảo hành, khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sự cố hoặc khiếm khuyết của thiết bị, nhà thầu phải:

- Cử nhân sự kỹ thuật đến kiểm tra trong thời gian sớm nhất;
- Thực hiện các biện pháp sửa chữa, khắc phục kịp thời.

Trường hợp sự cố ảnh hưởng đến an toàn vận hành của trạm biến áp, nhà thầu phải phối hợp với Chủ đầu tư để xử lý khẩn cấp theo quy định.

e) Trách nhiệm của nhà thầu

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bảo hành thiết bị và thiết bị theo quy định;

	- Khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết trong thời gian bảo hành; Chịu mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các hạng mục và thiết bị bị hư hỏng do lỗi của nhà thầu. Mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành thiết bị và thiết bị trong thời gian bảo hành được coi là đã bao gồm trong giá dự thầu của nhà thầu Trong trường hợp thiết bị phải dừng sửa chữa bảo hành hoặc sửa chữa thay thế thì thời gian bảo hành được gia hạn tương ứng với thời gian thiết bị phải ngừng do sửa chữa bảo hành và Nhà thầu có trách nhiệm gia hạn thời gian bảo hành đúng bằng thời gian thiết bị phải ngừng do sửa chữa, khắc phục bảo hành. Nếu quá thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc bảo hành thiết bị mà Nhà thầu không cử cán bộ đến thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Chủ đầu tư được quyền sửa chữa, hoặc thuê sửa chữa. Mọi chi phí cho việc sửa chữa, thay thế các chi tiết hỏng hóc Nhà thầu phải chịu 100% giá trị. và khi đó mọi trách nhiệm và chi phí liên quan sẽ do Nhà thầu chịu. Số tiền do Chủ đầu tư sửa chữa, thay thế sẽ được trừ vào tiền bảo hành thiết bị của Nhà thầu. Nếu Nhà thầu chậm thanh toán trực tiếp thì Chủ đầu tư sẽ trích khoản tiền 5% giá trị hợp đồng còn lại. Trong trường hợp tổng chi phí sửa chữa lớn hơn giá trị 5% hợp đồng thì Nhà thầu phải trả thêm phần thiếu hụt cho Chủ đầu tư.
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 02 ngày
E-ĐKC 27.7 (d)	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.